

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN ĐKKV CAI LẬY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 138/BVĐKCL-HCQT
V/v mời chào giá Giám sát chất lượng
nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt
từ tháng 8/2025-12/2025

Cai Lậy, ngày 18 tháng 7 năm 2025

Kính gửi: Các Công ty

Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm Giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt từ tháng 8/2025-12/2025.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy mời các Quý Công ty có quan tâm, có khả năng cung cấp dịch vụ báo giá theo danh mục và biểu mẫu chào giá như sau:

1. Danh mục chào giá:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
Tháng 08/2025: 99 thông số (Nhóm A+Nhóm B)					
1	Thông số Nhóm A: 10				
1.1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	03	- Bồn đầu vào hệ thống lọc RO dùng cho thận nhân tạo - Bể chứa nước dưới đất - Vòi nước lavabo rửa tay NVYT bất kỳ tại các khoa phòng	Thực hiện lấy, bảo quản mẫu đúng quy định và theo tần suất thực hiện của từng loại nhóm thông số. - Các mẫu nước phải được thực hiện tại phòng thử nghiệm, tổ chức chứng nhận được công nhận
1.2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	03		
1.3	Màu sắc	TCU	03		
1.4	Mùi ^(*)	-	03		
1.5	pH ^(*)	-	03		
1.6	Độ đục	NTU	03		
1.7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	03		
1.8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	03		
1.9	Permanganat	mg/L	03		
1.10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	03		
2	Thông số Nhóm B: 89		03		
2.1	Trực khuẩn mủ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>)	CFU/100mL	03		
2.2	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>)	CFU/100mL	03		
2.3	Antimon (Sb)	mg/L	03		
2.4	Bari (Ba)	mg/L	03		
2.5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	03		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
2.6	Cadmi (Cd)	mg/L	03		phù hợp với TCVN ISO/IEC 17025. - Đọc kết quả giám sát và so sánh với ngưỡng giới hạn cho phép của quy chuẩn QCVN 01-1:2024/BT NMT. - Đưa ra kết luận trên phiếu trả lời kết quả xét nghiệm theo QCVN 01-1:2024/BT NMT
2.7	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	03		
2.8	Clorua (Chloride) (Cl ⁻)	mg/L	03		
2.9	Chromi (Cr)	mg/L	03		
2.10	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	03		
2.11	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	03		
2.12	Florua (Fluoride) (F ⁻)	mg/L	03		
2.13	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	03		
2.14	Mangan (Mn)	mg/L	03		
2.15	Natri (Na)	mg/L	03		
2.16	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	03		
2.17	Nickel (Ni)	mg/L	03		
2.18	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	03		
2.19	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	03		
2.20	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	03		
2.21	Seleni (Se)	mg/L	03		
2.22	Sulfat (Sulfate) (SO ₄ ²⁻)	mg/L	03		
2.23	Sunfua (Sulfide) (S ²⁻)	mg/L	03		
2.24	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	03		
2.25	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	03		
2.26	Xyanua (Cyanide) (CN ⁻)	mg/L	03		
2.27	1,1,1 - Trichloroethane (C ₂ H ₃ Cl ₃)	µg/L	03		
2.28	1,2 - Dichloroethane (C ₂ H ₄ Cl ₂)	µg/L	03		
2.29	1,2 - Dichloroethene (C ₂ H ₂ Cl ₂)	µg/L	03		
2.30	Carbon tetrachloride (CCl ₄)	µg/L	03		
2.31	Dichloromethane (CH ₂ Cl ₂)	µg/L	03		
2.32	Tetrachloroethene (C ₂ Cl ₂)	µg/L	03		
2.33	Trichloroethene (C ₂ HCl ₃)	µg/L	03		
2.34	Vinyl chloride (C ₂ H ₃ Cl)	µg/L	03		
2.35	Benzene (C ₆ H ₆)	µg/L	03		
2.36	Ethylbenzene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	03		
2.37	Pentachlorophenol (C ₆ HCl ₅ O)	µg/L	03		
2.38	Styrene (C ₈ H ₈)	µg/L	03		
2.39	Toluene (C ₇ H ₈)	µg/L	03		
2.40	Xylene (C ₈ H ₁₀)	µg/L	03		
2.41	1,2 - Dichlorobenzene (C ₆ H ₄ Cl ₂)	µg/L	03		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
2.42	Monochlorobenzene (C ₆ H ₅ Cl)	µg/L	03		
2.43	Tổng Trichlorobenzene (C ₆ H ₃ Cl ₃)	µg/L	03		
2.44	Acrylamide (C ₃ H ₅ NO)	µg/L	03		
2.45	Epichlorohydrin (C ₃ H ₅ ClO)	µg/L	03		
2.46	Hexachlorobutadiene (C ₄ Cl ₆)	µg/L	03		
2.47	1,2- Dibromo - 3 chloropropane (C ₃ H ₅ Br ₂ Cl)	µg/L	03		
2.48	1,2 - Dichloropropane (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	03		
2.49	1,3- Dichloropropene (C ₃ H ₆ Cl ₂)	µg/L	03		
2.50	2,4-D (C ₈ H ₆ Cl ₂ O ₃)	µg/L	03		
2.51	2,4 - DB (C ₁₀ H ₁₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	03		
2.52	Alachlor (C ₁₄ H ₂₀ ClNO ₂)	µg/L	03		
2.53	Aldicarb (C ₇ H ₁₄ N ₂ O ₂ S)	µg/L	03		
2.54	Atrazine (C ₈ H ₁₄ ClN ₅) và các dẫn xuất chloro-s-triazine	µg/L	03		
2.55	Carbofuran (C ₁₂ H ₁₅ NO ₃)	µg/L	03		
2.56	Chlorpyrifos (C ₉ H ₁₁ Cl ₃ NO ₃ PS)	µg/L	03		
2.57	Chlordane (C ₁₀ H ₆ Cl ₈)	µg/L	03		
2.58	Chlorotoluron (C ₁₀ H ₁₃ ClN ₂ O)	µg/L	03		
2.59	Cyanazine (C ₉ H ₁₃ ClN ₆)	µg/L	03		
2.60	DDT (C ₁₄ H ₉ Cl ₅) và các dẫn xuất	µg/L	03		
2.61	Dichlorprop (C ₉ H ₈ Cl ₂ O ₃)	µg/L	03		
2.62	Fenoprop (C ₉ H ₇ Cl ₃ O ₃)	µg/L	03		
2.63	Hydroxyatrazine (C ₈ H ₁₅ N ₅ O)	µg/L	03		
2.64	Isoproturon (C ₁₂ H ₁₈ N ₂ O)	µg/L	03		
2.65	MCPA (C ₉ H ₉ ClO ₃)	µg/L	03		
2.66	Mecoprop (C ₁₀ H ₁₁ ClO ₃)	µg/L	03		
2.67	Methoxychlor (C ₁₆ H ₁₅ Cl ₃ O ₂)	µg/L	03		
2.68	Molinate (C ₉ H ₁₇ NOS)	µg/L	03		
2.69	Pendimethalin (C ₁₃ H ₁₉ N ₃ O ₄)	µg/L	03		
2.70	Permethrin (C ₂₁ H ₂₀ Cl ₂ O ₃)	µg/L	03		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
2.71	Propanil (C ₉ H ₉ Cl ₂ NO)	µg/L	03		
2.72	Simazine (C ₇ H ₁₂ CIN ₅)	µg/L	03		
2.73	Trifluralin (C ₁₃ H ₁₆ F ₃ N ₃ O ₄)	µg/L	03		
2.74	2,4,6 - Trichlorophenol (C ₆ H ₂ Cl ₃ OH)	µg/L	03		
2.75	Bromat (BrO ₃ ⁻)	µg/L	03		
2.76	Formaldehyde (CH ₂ O)	µg/L	03		
2.77	Monochloramine (NH ₃ Cl)	µg/L	03		
2.78	Bromodichloromethane (CHBrCl ₂)	µg/L	03		
2.79	Bromoform (CHBr ₃)	µg/L	03		
2.80	Chloroform (CHCl ₃)	µg/L	03		
2.81	Dibromochloromethane (CHBr ₂ Cl)	µg/L	03		
2.82	Dibromoacetonitrile (C ₂ HBr ₂ N)	µg/L	03		
2.83	Dichloroacetonitrile (C ₂ HCl ₂ N)	µg/L	03		
2.84	Trichloroacetonitrile (C ₂ Cl ₃ N)	µg/L	03		
2.85	Acid monochloroacetic (C ₂ H ₃ ClO ₂)	µg/L	03		
2.86	Acid dichloroacetic (C ₂ H ₂ Cl ₂ O ₂)	µg/L	03		
2.87	Acid trichloroacetic (C ₂ HCl ₃ O ₂)	µg/L	03		
2.88	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	03		
2.89	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	03		
Tháng 09/2025: Thông số Nhóm A: 10					
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	03		
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	03		
3	Màu sắc	TCU	03		
4	Mùi ^(*)	-	03		
5	pH ^(*)	-	03		
6	Độ đục	NTU	03		
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	03		
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	03		
9	Permanganat	mg/L	03		
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	03		
Tháng 10/2025: Thông số Nhóm A: 10					
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc	03		

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Số lượng mẫu	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
		MPN/100mL			
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	03		
3	Màu sắc	TCU	03		
4	Mùi ^(*)	-	03		
5	pH ^(*)	-	03		
6	Độ đục	NTU	03		
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	03		
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	03		
9	Permanganat	mg/L	03		
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	03		
Tháng 11/2025: Thông số Nhóm A: 10					
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	03		
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	03		
3	Màu sắc	TCU	03		
4	Mùi ^(*)	-	03		
5	pH ^(*)	-	03		
6	Độ đục	NTU	03		
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	03		
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	03		
9	Permanganat	mg/L	03		
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	03		
Tháng 12/2025: Thông số Nhóm A: 10					
1	Coliform tổng số	CFU/100 ML hoặc MPN/100mL	03		
2	<i>E. coli</i> hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/100 mL hoặc MPN/100mL	03		
3	Màu sắc	TCU	03		
4	Mùi ^(*)	-	03		
5	pH ^(*)	-	03		
6	Độ đục	NTU	03		
7	Asen (Arsenic) (As)	mg/L	03		
8	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	03		
9	Permanganat	mg/L	03		
10	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	03		

2. Biểu mẫu chào giá:

Tên Công ty: ...

Địa chỉ:...

SĐT, Email:...

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy

Trên cơ sở mời chào giá của Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy, Công ty chúng tôi chào giá cung cấp dịch vụ như sau:

Đvt: Đồng

STT	Tên thông số	Đvt	Số lượng mẫu	Đơn giá	Thành tiền	Vị trí lấy mẫu	Kết quả đầu ra
1							

(Số tiền bằng chữ:.....)

* Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT; chi phí lấy mẫu và các chi phí khác liên quan;
- Địa điểm lấy mẫu: Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy - Số 398 đường Quốc lộ 1, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp;
- Báo giá này có hiệu lực ngày kể từ ngày báo giá (nếu có);

Ngàytháng....năm...

Đại diện của Công ty

(Ký và đóng dấu(nếu có))

3. Nơi nhận bảng chào giá

- Ngoài bì thư ghi rõ: “Báo giá Giám sát chất lượng nước sạch phục vụ mục đích sinh hoạt từ tháng 8/2025-12/2025”.

- Nơi nhận: Phòng Hành chính quản trị - Bệnh viện Đa khoa khu vực Cai Lậy (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, Phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp - SĐT liên hệ: 0898000275).

- Thời hạn: từ ngày ra thông báo đến ngày 31/7/2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm này sẽ không được xem xét và được hoàn trả lại Công ty.

Rất mong sự hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Giám đốc (để biết);
- Phòng CNTT (để đăng tin);
- Lưu: VT, HCQT (Thảo).

Q. GIÁM ĐỐC